

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Phương án điều tra người khuyết tật năm 2023

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký quyết định ban hành phương án điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-TCTK ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2023 của Tổng cục Thống kê;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án điều tra người khuyết tật năm 2023. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 2. Giao Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường, các đơn vị có liên quan của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện điều tra đúng Phương án quy định.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Vụ trưởng Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê, Chánh Văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- Lãnh đạo Tổng cục Thống kê;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: VT, TTDL (6).

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương



PHƯƠNG ÁN

Điều tra người khuyết tật năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 317/QĐ-TCTK ngày 17 tháng 3 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích điều tra

Điều tra người khuyết tật năm 2023 là cuộc điều tra chọn mẫu trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia được thực hiện với các mục đích sau:

- Thu thập thông tin phục vụ biên soạn chỉ tiêu thống kê quốc gia về người khuyết tật.
- Thu thập thông tin về người khuyết tật phục vụ hoạch định chính sách đảm bảo quyền của người khuyết tật, giám sát và đánh giá việc thực hiện pháp luật của Việt Nam, cũng như thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về người khuyết tật.

2. Yêu cầu điều tra

- Thực hiện điều tra đúng các nội dung quy định trong Phương án.
- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê.
- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc điều tra đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả.
- Kết quả điều tra phải đáp ứng yêu cầu biên soạn chỉ tiêu thống kê “Tỷ lệ người khuyết tật” trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và các chỉ tiêu khác liên quan đến người khuyết tật; đảm bảo so sánh quốc tế.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Điều tra người khuyết tật năm 2023 được tiến hành trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (viết gọn là tỉnh, thành phố).

2. Đối tượng điều tra

- Hộ dân cư;
- Thành viên hộ dân cư;
- Người khuyết tật đang thực tế thường trú tại các cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật;

- Ủy ban nhân dân (UBND) xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã);
- Trường tiểu học, trung học cơ sở đóng tại địa bàn xã;
- Trạm y tế xã.

3. Đơn vị điều tra

- Hộ dân cư;
- Cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật;
- UBND xã;
- Trường tiểu học, trung học cơ sở đóng tại địa bàn xã;
- Trạm y tế xã.

Hộ dân cư: Bao gồm một người ăn ở riêng hoặc một nhóm người ăn chung và ở chung, có thể có hoặc không có quan hệ ruột thịt, hôn nhân, nuôi dưỡng, có hoặc không chung quỹ thu - chi.

Một hộ thường sử dụng toàn bộ hay một phần của một đơn vị nhà ở, hoặc lều, lán, trại, nhà trọ, khách sạn; hoặc nhà tập thể, doanh trại, ký túc xá, v.v ... hoặc không có nhà ở.

Một hộ thường bao gồm những người có quan hệ ruột thịt, họ hàng, như bố mẹ và các con, hoặc các gia đình nhiều thế hệ. Tuy nhiên, những người chỉ có quan hệ họ hàng xa hoặc thậm chí không có quan hệ họ hàng (như người giúp việc gia đình, người ở trọ) cũng là thành viên của một hộ nếu họ thường xuyên ngụ chung và ăn chung trong đơn vị nhà ở của hộ.

Thành viên hộ: Là những người thực tế thường trú tại hộ, những người thường xuyên ăn ở tại hộ tính đến thời điểm điều tra từ 6 tháng trở lên; trẻ em mới sinh trước thời điểm điều tra; những người mới chuyển đến sẽ ở ổn định tại hộ và những người tạm vắng, không phân biệt có hay không có hộ khẩu thường trú.

Ngược lại, những người chuyển khỏi hộ lâu dài sẽ không được tính là thành viên hộ kể cả khi họ đã ở trong hộ trên 6 tháng, ví dụ con gái đi lấy chồng, nhập ngũ, người đã chết...

Trường hợp đặc biệt quy định trong cuộc điều tra này: Thành viên hộ sống trong các cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật **không tính** là thành viên của hộ và sẽ được thu thập thông tin tại cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật qua phiếu hỏi cơ sở (Phiếu 02-CS).

III. LOẠI ĐIỀU TRA

1. Đối với hộ dân cư

Điều tra người khuyết tật năm 2023 là cuộc điều tra chọn mẫu. Mẫu được thiết kế nhằm cung cấp các ước lượng tin cậy về tỷ lệ người khuyết tật cũng như

một số chỉ tiêu khác liên quan tới người khuyết tật ở cấp quốc gia; thành thị, nông thôn; vùng kinh tế - xã hội và 63 tỉnh, thành phố.

Điều tra người khuyết tật năm 2023 áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Các địa bàn điều tra của từng tỉnh, thành phố được chọn từ mẫu chủ được lập từ dàn mẫu của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 theo phương pháp xác suất tỷ lệ với quy mô (PPS). Trong mỗi địa bàn được chọn, tiến hành chọn 25 hộ vào mẫu điều tra theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống (SS).

Phương pháp chọn mẫu và suy rộng kết quả điều tra quy định tại Phụ lục.

2. Đối với cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật

Điều tra toàn bộ các cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật trên phạm vi cả nước. Việc lập danh sách, rà soát để xác định các cơ sở bảo trợ xã hội có người khuyết tật do Tổng cục Thống kê chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện.

3. Đối với UBND xã, trường học, trạm y tế

Điều tra toàn bộ UBND xã, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trạm y tế thuộc xã có địa bàn được chọn điều tra.

IV. THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA

1. Thời điểm điều tra

Thời điểm thu thập thông tin là ngày điều tra viên (ĐTV), đội trưởng trực tiếp đến phỏng vấn đơn vị điều tra và ghi thông tin vào phiếu.

2. Thời gian điều tra

Thời gian điều tra: Từ ngày 01/9 đến ngày 31/10/2023.

3. Phương pháp điều tra

- Đối với phiếu hộ (Phiếu 01-HO): Áp dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp để thu thập thông tin. ĐTV đến từng hộ dân cư, gặp trực tiếp đối tượng điều tra để phỏng vấn, kết hợp quan sát và ghi thông tin vào phiếu điều tra trên thiết bị điện tử di động (CAPI).

- Đối với phiếu cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật (Phiếu 02-CS): Áp dụng phương pháp thu thập thông tin trực tiếp. ĐTV gặp người có trách nhiệm tại cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật để thu thập thông tin và điền thông tin vào phiếu điều tra được thiết kế trên Trang thông tin điện tử của cuộc điều tra (Phiếu Webform).

- Đối với UBND xã, trường học, trạm y tế (Phiếu 03-XA, Phiếu 04-TH, Phiếu 05-YT): Áp dụng phương pháp thu thập thông tin trực tiếp. Đội trưởng gặp những người có trách nhiệm tại UBND xã, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trạm y tế xã để thu thập thông tin và ghi thông tin vào phiếu CAPI.

V. NỘI DUNG, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

a) Đối với hộ dân cư

Thu thập thông tin về tình hình cơ bản của hộ, thành viên của hộ. Cụ thể:

- Thông tin về nhân khẩu học; điều kiện sống; việc làm; giáo dục; chăm sóc sức khỏe; bảo đảm cuộc sống gia đình; nhu cầu trợ giúp; tiếp cận công nghệ thông tin; chính sách và các chương trình bảo trợ xã hội; đánh giá về sự kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người khuyết tật.

- Thông tin xác định khuyết tật, loại tật, nguyên nhân khuyết tật, chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng.

b) Đối với các cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật

Thu thập thông tin về người khuyết tật gồm thông tin về đặc điểm nhân khẩu học, dạng khuyết tật, mức độ khuyết tật, nguyên nhân khuyết tật, thời gian chăm sóc tại cơ sở ...

c) Đối với UBND xã, trường học và trạm y tế

Thu thập thông tin về người khuyết tật; hoạt động triển khai Luật người khuyết tật và các chính sách, chương trình trợ giúp người khuyết tật tại địa phương.

2. Phiếu điều tra

Các loại phiếu điều tra sử dụng trong Điều tra người khuyết tật năm 2023, gồm:

Phiếu 01-HO: Phiếu phỏng vấn hộ dân cư.

Phiếu 02-CS: Phiếu phỏng vấn cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật.

Phiếu 03-XA: Phiếu phỏng vấn UBND xã.

Phiếu 04-TH: Phiếu phỏng vấn trường tiểu học và trung học cơ sở.

Phiếu 05-YT: Phiếu phỏng vấn trạm y tế xã.

VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

Điều tra người khuyết tật năm 2023 sử dụng các bảng phân loại và danh mục sau đây:

1. Bảng phân loại quốc tế về thực hiện chức năng, khuyết tật và sức khỏe (ICF - International Classification of Functioning, Disability and Health) của Tổ chức Y tế thế giới.

2. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ cập nhật đến thời điểm điều tra.

3. Danh mục giáo dục, đào tạo của Hệ thống giáo dục quốc dân được ban hành kèm theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Danh mục các dân tộc Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02 tháng 3 năm 1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ BIỂU ĐÀU RA CỦA ĐIỀU TRA

1. Quy trình xử lý thông tin

Sau khi hoàn thành việc thu thập thông tin của từng đơn vị điều tra và dữ liệu được đồng bộ về hệ thống máy chủ của Tổng cục Thống kê, Giám sát viên các cấp thực hiện việc giám sát, kiểm tra thông tin và thực hiện nghiệm thu số liệu.

2. Tổng hợp

Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường (Vụ XHMT) chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thiết kế biểu tổng hợp kết quả đầu ra kèm hướng dẫn cách tính chi tiết cho từng chỉ tiêu tương ứng với biểu và phiếu điều tra.

Cục TTDL chủ trì xây dựng phần mềm, công cụ để xử lý, tổng hợp các chỉ tiêu theo mẫu biểu.

VIII. KẾ HOẠCH TIỀN HÀNH¹

Điều tra người khuyết tật năm 2023 được thực hiện theo kế hoạch sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Xây dựng và hoàn thiện phương án điều tra	Tháng 6-12/2022	Cục TTDL	Vụ XHMT; Đơn vị liên quan
2	Thiết kế mẫu	Tháng 6-12/2022	Cục TTDL	Vụ XHMT
3	Thiết kế và hoàn thiện phiếu hỏi	Tháng 6-12/2022	Cục TTDL	Vụ XHMT
4	Xây dựng Sổ tay hướng dẫn và các tài liệu khác	Tháng 8-12/2022	Cục TTDL	Vụ XHMT
5	Chọn địa bàn điều tra	Tháng 02-6/2023	Cục TTDL	Vụ XHMT
6	Xây dựng các chương trình phần mềm (bao gồm xây dựng yêu cầu, kiểm thử và hoàn thiện phần mềm)	Tháng 3-8/2023	Cục TTDL	Vụ XHMT
7	Thiết kế biểu đầu ra và hướng dẫn cách tính	Tháng 9-12/2022	Vụ XHMT	Cục TTDL

¹ Các chữ viết tắt trong bảng:

Cục TTDL: Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê;

Vụ XHMT: Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường;

Vụ PCTT: Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê;

VPTC: Văn phòng Tổng cục; CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
8	In tài liệu	Tháng 6-8/2023	Cục TTDL, CTK	Đơn vị liên quan
9	Tập huấn cấp trung ương và cấp tỉnh	Tháng 6-8/2023	Cục TTDL, CTK	Vụ XHMT, VPTC, Đơn vị liên quan
10	Rà soát, cập nhật địa bàn điều tra, cập nhật bảng kê và chọn hộ	Tháng 7-8/2023	CTK	Cục TTDL
11	Thu thập thông tin	Tháng 9-10/2023	CTK	Cục TTDL, Đơn vị liên quan
12	Kiểm tra, giám sát	Tháng 9-11/2023	Cục TTDL, CTK	Vụ XHMT, Vụ PCTT; Đơn vị liên quan
13	Kiểm tra, nghiệm thu dữ liệu	Tháng 9-12/2023	Cục TTDL, CTK	Vụ XHMT
14	Xử lý số liệu điều tra	Tháng 10/2023-02/2024	Cục TTDL	Vụ XHMT
15	Tính quyền số	Tháng 10/2023-02/2024	Cục TTDL	Vụ XHMT
16	Tổng hợp kết quả	Tháng 02-3/2024	Cục TTDL	Vụ XHMT
17	Báo cáo, phân tích kết quả điều tra	Tháng 4-7/2024	Vụ XHMT	Cục TTDL
18	Chuẩn bị công bố kết quả điều tra	Tháng 8/2024	Vụ XHMT	Cục TTDL

IX. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA

1. Công tác chuẩn bị

a) Chọn, rà soát và cập nhật mẫu điều tra

- Cục TTDL thực hiện phân bổ, chọn và gửi danh sách các địa bàn mẫu điều tra tới Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Cục Thống kê).

- Cục Thống kê rà soát, cập nhật địa bàn điều tra, cập nhật bảng kê hộ và chọn hộ điều tra, lập danh sách trường học, trạm y tế trên địa bàn xã theo hướng dẫn.

b) Tuyển chọn điều tra viên và đội trưởng

Điều tra người khuyết tật năm 2023 là cuộc điều tra có nội dung nhạy cảm, phức tạp nên ĐTV và đội trưởng đội điều tra phải là người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ thống kê, có kinh nghiệm tốt trong điều tra thu thập thông tin thống kê, có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình và có sức khỏe.

Căn cứ vào số lượng đơn vị điều tra, tiến độ công việc và đặc điểm của địa phương, Cục Thống kê chủ động tuyển chọn đội trưởng, ĐTV cụ thể như sau:

- ĐTV phiếu hộ (Phiếu 01-HO); phiếu xã (Phiếu 03-XA), phiếu trường học (Phiếu 04-TH), phiếu trạm y tế (Phiếu 05-YT): Tổ chức theo hình thức đội điều tra, trung bình 01 đội điều tra/huyện, mỗi đội điều tra gồm: 1 đội trưởng và trung bình từ 2 đến 3 ĐTV.

- ĐTV phiếu cơ sở bảo trợ/chăm sóc người khuyết tật (Phiếu 02-CS): Chọn ĐTV là người làm việc tại các cơ sở hoặc có am hiểu về cơ sở, 01 ĐTV/cơ sở.

Đội trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện toàn bộ hoạt động điều tra của đội tại những địa bàn được phân công; hướng dẫn nghiệp vụ cho các ĐTV; thu thập thông tin phiếu 03-XA, phiếu 04-TH, phiếu 05-YT; kiểm tra phiếu hỏi do các ĐTV thực hiện.

c) Tập huấn nghiệp vụ

****) Tập huấn cấp trung ương***

Tổng cục Thống kê tổ chức 02 hội nghị tập huấn về nghiệp vụ và công nghệ thông tin. Hội nghị tập huấn nghiệp vụ, thời gian: 02 ngày; hội nghị tập huấn hướng dẫn cài đặt, sử dụng phiếu CAPI và sử dụng Trang thông tin điện tử, thời gian: 01 ngày.

Thành phần tham gia tập huấn gồm:

- Tổng cục Thống kê: Lãnh đạo và công chức, viên chức của Cục TTDL; Vụ XHMT; Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê; Vụ Kế hoạch tài chính; Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê và các đơn vị liên quan khác thuộc Tổng cục Thống kê.

- Cục Thống kê: Lãnh đạo Cục, lãnh đạo phòng và công chức các Phòng được phân công tổ chức, thực hiện cuộc điều tra tại địa phương.

- Đại diện một số Bộ ngành liên quan: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế...

****) Tập huấn cấp tỉnh:***

Cục Thống kê tổ chức 02 hội nghị tập huấn về nghiệp vụ và công nghệ thông tin. Hội nghị tập huấn nghiệp vụ, thời gian: 02 ngày; hội nghị tập huấn hướng dẫn cài đặt, sử dụng phiếu CAPI và sử dụng Trang thông tin điện tử, thời

gian: 01 ngày cho lực lượng tham gia điều tra ở địa phương, gồm: giám sát viên, lãnh đạo Chi cục Thống kê cấp huyện có địa bàn điều tra, đội trưởng và ĐTV.

Nội dung tập huấn: Quán triệt Phương án điều tra, kế hoạch thực hiện tại địa phương, kỹ năng giao tiếp, kỹ thuật phỏng vấn, cách cài đặt trang thông tin và các phiếu điện tử vào thiết bị thông minh, cách điền thông tin vào các phiếu điện tử, cách đồng bộ dữ liệu, kiểm tra, nghiệm thu dữ liệu trực tuyến và các chức năng khác liên quan...

d) Tài liệu điều tra

Tài liệu điều tra bao gồm các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ và phần mềm do Tổng cục Thống kê biên soạn. Cục Thống kê chủ động in và phân phối theo khối lượng thực tế của đơn vị.

d) Chương trình phần mềm

Chương trình phần mềm sử dụng trong điều tra bao gồm: Chương trình phần mềm phục vụ rà soát và cập nhật địa bàn điều tra, cập nhật bảng kê hộ điều tra; chương trình chọn mẫu hộ điều tra; chương trình điều tra trên CAPI, Webform; các chương trình quản lý giám sát, kiểm tra và duyệt phiếu điện tử, chương trình tổng hợp kết quả điều tra...

2. Thu thập thông tin

Cục Thống kê chỉ đạo, thực hiện thu thập thông tin tại địa bàn, đảm bảo việc thu thập thông tin được thực hiện tại đơn vị điều tra, đúng yêu cầu, đảm bảo chất lượng và thời gian quy định.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc điều tra, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các khâu của cuộc điều tra.

Cục TTDL chịu trách nhiệm xây dựng trình Lãnh đạo Tổng cục và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát của Tổng cục Thống kê. Lực lượng giám sát, kiểm tra bao gồm lãnh đạo và công chức, viên chức của Cục TTDL, Vụ XHMT, Vụ Kế hoạch tài chính và các đơn vị liên quan.

Cục trưởng Cục Thống kê chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát tại địa phương. Lực lượng kiểm tra, giám sát ở địa phương là lãnh đạo, công chức Phòng Thu thập thông tin thống kê, Phòng Thống kê Xã hội và các phòng liên quan khác.

Nội dung kiểm tra, giám sát tập trung vào việc tổ chức và thực hiện các quy trình điều tra, thực hiện quy định đến phỏng vấn đúng hộ đã phân công, cách phỏng vấn và điền phiếu điện tử, chất lượng phiếu điều tra, việc chấp hành các quy định khác trong Phương án điều tra.

Giám sát viên cấp tỉnh kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện điều tra của các đội điều tra theo đúng kế hoạch, kiểm tra thông tin phiếu điều tra đã hoàn thành, hỗ trợ đội trưởng, ĐTV chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng liên quan đến các phiếu điện tử.

Giám sát viên cấp trung ương kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện điều tra của các Cục Thống kê theo đúng kế hoạch, kiểm tra thông tin của các đơn vị điều tra đã được giám sát viên cấp tỉnh xác nhận nghiệm thu, hỗ trợ ĐTV và giám sát viên cấp tỉnh về chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng liên quan đến các phiếu điện tử và Trang thông tin của cuộc điều tra.

4. Nghiệm thu và xử lý thông tin

a) Nghiệm thu phiếu điều tra

- Cục TTDL chủ trì nghiệm thu dữ liệu điều tra trên phạm vi cả nước.
- Cục Thống kê chủ trì nghiệm thu dữ liệu điều tra trên phạm vi tỉnh, thành phố.

b) Xử lý thông tin

Cục TTDL chủ trì phối hợp với Vụ XHMT và Cục Thống kê thực hiện kiểm tra, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu điều tra phục vụ tổng hợp và phân tích kết quả điều tra; thực hiện tính quyền số và tổng hợp kết quả đầu ra theo yêu cầu.

5. Tổ chức thực hiện

a) Cục TTDL: Chủ trì, phối hợp với Vụ XHMT và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai cuộc điều tra gồm: Xây dựng phương án điều tra; phiếu điều tra; thiết kế và chọn mẫu; xây dựng các chương trình phần mềm (bao gồm việc yêu cầu xây dựng chương trình và kiểm thử phần mềm); biên soạn các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra và hướng dẫn sử dụng phần mềm; tổ chức tập huấn; kiểm tra, giám sát; nghiệm thu dữ liệu điều tra; tính quyền số suy rộng; tổng hợp kết quả điều tra...

b) Vụ XHMT: Chủ trì xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra, kiểm tra hệ biểu tổng hợp kết quả đầu ra, phân tích và chuẩn bị công bố kết quả điều tra. Phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan trong việc xây dựng phương án, phiếu điều tra, xây dựng các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ điều tra, tổ chức tập huấn, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu.

c) Vụ Kế hoạch tài chính: Chủ trì, phối hợp với Cục TTDL, Vụ XHMT dự trù kinh phí điều tra; hướng dẫn sử dụng, quản lý và quyết toán kinh phí điều tra.

d) Văn phòng Tổng cục Thống kê: Phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan tổ chức hội nghị tập huấn cấp trung ương, thực hiện công tác giám sát, biên soạn, phát hành báo cáo kết quả điều tra.

d) Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê: Chủ trì, tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra cuộc điều tra theo kế hoạch được phê duyệt.

e) Cục Thống kê: Tổ chức, chỉ đạo toàn diện cuộc điều tra trên địa bàn tỉnh, thành phố từ khâu rà soát cập nhật đơn vị điều tra; tuyển chọn; tập huấn cho ĐTV, đội trưởng và GSV; thu thập thông tin; giám sát, kiểm tra; nghiệm thu phiếu điều tra...

X. KINH PHÍ ĐIỀU TRA

Kinh phí Điều tra người khuyết tật năm 2023 do Ngân sách Nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan.

Vụ Kế hoạch tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo đúng quy định của văn bản hiện hành.

Trong phạm vi dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt cuộc Điều tra người khuyết tật năm 2023 theo đúng nội dung của Phương án điều tra, văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê và các chế độ tài chính hiện hành./.

Phụ lục

PHƯƠNG PHÁP CHỌN MẪU VÀ SUY RỘNG KẾT QUẢ ĐIỀU TRA

Điều tra người khuyết tật năm 2023 là cuộc điều tra chọn mẫu. Mẫu được thiết kế nhằm cung cấp các ước lượng tin cậy về tỷ lệ người khuyết tật cũng như một số chỉ tiêu khác liên quan tới người khuyết tật ở cấp quốc gia, thành thị/nông thôn, vùng kinh tế - xã hội và 63 tỉnh, thành phố.

Mẫu Điều tra người khuyết tật năm 2023 là mẫu ngẫu nhiên phân tầng được chọn theo 2 bước: Bước 1 chọn địa bàn điều tra; Bước 2 chọn hộ điều tra. Cụ thể các bước chọn mẫu và suy rộng kết quả điều tra như sau:

1. Chọn địa bàn

Ở mỗi tỉnh, thành phố, căn cứ vào số lượng địa bàn mẫu đã được thiết kế, phân bổ cho các quận huyện theo nguyên tắc tỷ lệ thuận với căn bậc hai của số hộ. Các địa bàn điều tra được chọn từ mẫu chủ 2019 theo phương pháp xác suất tỷ lệ với quy mô (PPS).

(Bảng phân bổ địa bàn điều tra theo tỉnh, thành phố kèm theo).

2. Chọn hộ điều tra

Trong mỗi địa bàn được chọn và bảng kê hộ của địa bàn đã được cập nhật trước kỳ điều tra, tiến hành chọn 25 hộ vào mẫu điều tra theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống (SS).

3. Suy rộng kết quả điều tra

Chỉ tiêu khuyết tật trong cuộc điều tra này được suy rộng bằng việc sử dụng quyền số chọn mẫu đúng cách và trong phạm vi các nhóm phân tổ theo thiết kế mẫu.

$$y_i (\%) = \frac{\sum x_{id} \cdot w_{id}}{\sum x_{ij} \cdot w_{ij}} \times 100$$

Trong đó:

y_i là tỷ lệ người khuyết tật nhóm i

x_{ij} là người thứ j trong nhóm i

x_{id} là người thứ d trong nhóm i có bị khuyết tật

w_{id} là quyền số chọn mẫu tương ứng của người thứ d có bị khuyết tật trong nhóm i

w_{ij} là quyền số chọn mẫu tương ứng của người thứ j nhóm i . Quyền số chọn mẫu là nghịch đảo của xác suất chọn mẫu.

BẢNG PHÂN BỐ ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA THEO TỈNH, THÀNH PHỐ

Tỉnh, thành phố	Số địa bàn điều tra (địa bàn)	Số hộ điều tra (hộ)
Tổng	2 925	73 125
01. Thành phố Hà Nội	75	1875
02. Tỉnh Hà Giang	22	550
04. Tỉnh Cao Bằng	27	675
06. Tỉnh Bắc Kạn	22	550
08. Tỉnh Tuyên Quang	29	725
10. Tỉnh Lào Cai	34	850
11. Tỉnh Điện Biên	30	750
12. Tỉnh Lai Châu	47	1175
14. Tỉnh Sơn La	44	1100
15. Tỉnh Yên Bái	59	1475
17. Tỉnh Hoà Bình	69	1725
19. Tỉnh Thái Nguyên	56	1400
20. Tỉnh Lạng Sơn	35	875
22. Tỉnh Quảng Ninh	35	875
24. Tỉnh Bắc Giang	65	1625
25. Tỉnh Phú Thọ	79	1975
26. Tỉnh Vĩnh Phúc	22	550
27. Tỉnh Bắc Ninh	51	1275
30. Tỉnh Hải Dương	41	1025
31. Thành phố Hải Phòng	27	675
33. Tỉnh Hưng Yên	21	525
34. Tỉnh Thái Bình	61	1525
35. Tỉnh Hà Nam	26	650
36. Tỉnh Nam Định	39	975
37. Tỉnh Ninh Bình	49	1225
38. Tỉnh Thanh Hoá	36	900
40. Tỉnh Nghệ An	91	2275
42. Tỉnh Hà Tĩnh	56	1400
44. Tỉnh Quảng Bình	38	950
45. Tỉnh Quảng Trị	65	1625
46. Tỉnh Thừa Thiên Huế	54	1350
48. Thành phố Đà Nẵng	49	1225
49. Tỉnh Quảng Nam	59	1475
51. Tỉnh Quảng Ngãi	66	1650
52. Tỉnh Bình Định	88	2200
54. Tỉnh Phú Yên	44	1100
56. Tỉnh Khánh Hoà	54	1350
58. Tỉnh Ninh Thuận	48	1200
60. Tỉnh Bình Thuận	42	1050
62. Tỉnh Kon Tum	32	800

Tỉnh, thành phố	Số địa bàn điều tra (địa bàn)	Số hộ điều tra (hộ)
64. Tỉnh Gia Lai	45	1125
66. Tỉnh Đắk Lắk	55	1375
67. Tỉnh Đắk Nông	41	1025
68. Tỉnh Lâm Đồng	43	1075
70. Tỉnh Bình Phước	25	625
72. Tỉnh Tây Ninh	48	1200
74. Tỉnh Bình Dương	22	550
75. Tỉnh Đồng Nai	92	2300
77. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	47	1175
79. Thành phố Hồ Chí Minh	102	2550
80. Tỉnh Long An	39	975
82. Tỉnh Tiền Giang	22	550
83. Tỉnh Bến Tre	55	1375
84. Tỉnh Trà Vinh	29	725
86. Tỉnh Vĩnh Long	48	1200
87. Tỉnh Đồng Tháp	39	975
89. Tỉnh An Giang	46	1150
91. Tỉnh Kiên Giang	56	1400
92. Thành phố Cần Thơ	44	1100
93. Tỉnh Hậu Giang	29	725
94. Tỉnh Sóc Trăng	34	850
95. Tỉnh Bạc Liêu	39	975
96. Tỉnh Cà Mau	38	950